

*Bản án số: 11/2026/HS-ST
Ngày 26-03-2026*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bình.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng. Nguyên là giáo viên Trường Trung học cơ sở Nậm Dịch, xã Nậm Dịch, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bà Hoàng Thị Nguyệt. Cán bộ đã nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lù Ngọc Sơn - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2026/TLST-HS, ngày 10/02/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST-HS ngày 12/03/2026 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN ANH K, sinh ngày 13/8/2008 tại xã T, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá: Đang học lớp 12B Trường THCS V4; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số: 002208002841, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ C5 cấp ngày 04/10/2022; con ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 13/10/2025, có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Anh K: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang là bố đẻ của bị cáo Nguyễn Anh K, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh K: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1987 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. NGUYỄN HỒNG Q, sinh ngày 21/7/2008 tại xã T, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá: Đang học lớp 12A Trường THCS V4; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số: 002208005512, do Cục Cảnh

sát QLHC về TTXH - Bộ C5 cấp ngày 04/10/2022; con ông Nguyễn Hồng T1, sinh năm 1985 và bà Phạm Bích T2, sinh năm 1986; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 30/10/2025, có mặt tại phiên toà.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hồng Q:* Bà Phạm Bích T2, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Hồng Q, có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồng Q:* Ông Hoàng Ngọc C, sinh năm 1982 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị hại:*

Anh Triệu Chàn M, sinh ngày 07/3/2010; địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên toà.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Triệu Chàn M:* Ông Triệu Giào T3, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Tuyên Quang là bố đẻ của bị hại Triệu Chàn M, có mặt tại phiên toà.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Triệu Chàn Mênh:* Bà Trần Thị L1, sinh năm 1989 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm công tác xã hội UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang:* Ông Đinh Công V, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tập thể UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang có mặt tại phiên toà.

- *Đại diện trường THCS V4:* Thầy Trần Bách T4, sinh năm 1977 - Chức vụ: Phó Hiệu trưởng Trường THCS V4, xã T, tỉnh Tuyên Quang có mặt tại phiên toà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lý Xuân T5, sinh ngày 17/4/2010. Địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lý Xuân T5: Bà Lý Mùi S, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang có mặt tại phiên toà.

2. Anh Triệu Tuấn A, sinh ngày 09/6/2010; địa chỉ: Thôn G, xã T, tỉnh Tuyên Quang có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Triệu Tuấn A: Ông Triệu Vàn V1, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn G, xã T, tỉnh Tuyên Quang có mặt tại phiên toà.

3. Anh Phan Trung N, sinh ngày 12/12/2007; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Phan Trung N: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang có mặt tại phiên toà.

4. Anh Nguyễn Đức H2, sinh ngày 29/5/2009; địa chỉ: Thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Đức H2: Ông Nguyễn Đức V2, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang có mặt tại phiên toà.

5. Anh Lý Cao C1, sinh ngày 24/10/2010; địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Tuyên Quang có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lý Cao C1: Bà Lý Thị M1, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Tuyên Quang có mặt tại phiên toà.

6. Anh Lý Mùi C2, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang có mặt tại phiên toà.

7. Chị Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn N, xã M, tỉnh Tuyên Quang có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Ông Triệu Phụ L2, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Tuyên Quang có mặt tại phiên toà.

9. Lý Mùi P, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn G, xã T, tỉnh Tuyên Quang có mặt tại phiên toà.

10. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang có mặt tại phiên toà.

- Người làm chứng:

1. Bà Vàng Thị V3, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang vắng mặt tại phiên toà.

2. Ông Văn Kim U, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang vắng mặt tại phiên toà.

3. Bà Văn Thị N1, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang vắng mặt tại phiên toà.

4. Ông Vương Văn Đ, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ, ngày 05/8/2025, Nguyễn Anh K, Nguyễn Hồng Q, Nguyễn Đức H2, Phan Trung N rủ nhau đi quanh khu vực Thôn K, xã T chơi. Phan Trung N điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 22LA-002.29 chở theo Nguyễn Anh K. Nguyễn Đức H2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 23F1-164.73 chở theo Nguyễn Hồng Q đi đến đoạn đường gần trường Trung học phổ thông xã V4 dừng lại nói chuyện. Nguyễn Anh K thấy một nhóm gồm Triệu Chàn M điều khiển xe mô tô không lắp biển kiểm soát; Lý Cao C1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 23AH-

005.48 chở Lý Xuân T5; Triệu Tuấn A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 23AH-005.31 đi vượt qua. Nguyễn Anh K thấy thế mới hô lên “*Đi chậm thôi!*”. Lý Cao C1 quay lại chửi nhóm của K rồi điều khiển xe đến trước cửa nhà Nguyễn Như Q1 ở thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang đứng nói chuyện. Do bị chửi nên Nguyễn Anh K, Nguyễn Hồng Q, Nguyễn Đức H2, Phan Trung N điều khiển xe đuổi theo nhóm của Triệu Chàn M. Khi thấy nhóm của Triệu Chàn M đang đứng trước cửa nhà Nguyễn Như Q1, Nguyễn Hồng Q tháo chiếc mũ bảo hiểm đang đội trên đầu ra ném về phía nhóm của M nhưng không trúng ai. Nguyễn Anh K điều khiển xe đi qua xe của Q đến khu vực cổng chào xã T thì dừng lại đứng nói chuyện. Một lúc sau Triệu Chàn M cầm theo đoạn gậy tre dài khoảng 01 mét điều khiển xe mô tô đến chỗ nhóm của Nguyễn Anh K đang nói chuyện. Nguyễn Hồng Q nhìn thấy Triệu Chàn M cầm đoạn gậy tre nên mới quay ra hỏi: “*Mày định cầm gậy đánh tao à?*”. Triệu Chàn M trả lời “*Em không!*” rồi vút đoạn gậy tre vào vệ đường.

Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, nhóm của Nguyễn Anh K điều khiển xe mô tô đi theo hướng về trung tâm thôn K. Đi được khoảng 100 mét thì gặp Triệu Tuấn A điều khiển xe mô tô theo hướng ngược lại và ném vỏ chai bia bằng thủy tinh về phía nhóm của Nguyễn Anh K nhưng không trúng ai.

Triệu Tuấn A điều khiển xe mô tô bỏ chạy đến khu vực cổng chào xã T thì gặp nhóm của Triệu Chàn M. Triệu Tuấn A1 hô nhóm của Triệu Chàn M chạy đi. Nhóm của Nguyễn Anh K đuổi theo. Nhóm của Triệu Chàn M điều khiển xe mô tô chạy về hướng đi trung tâm xã N. Đi được khoảng 01 km thì Triệu Chàn M bị nhóm của Nguyễn Anh K đuổi kịp. Triệu Chàn M điều khiển xe mô tô đi chậm lại và dừng ở bên trái làn đường. Nguyễn Hồng Q xuống xe đứng cách đầu xe của M khoảng hai đến ba mét và hỏi M người ném chai bia là ai. M nói không biết rồi điều khiển xe mô tô đi thẳng về phía chỗ Nguyễn Hồng Q đứng. Nguyễn Hồng Q dùng tay đẩy vào đầu xe mô tô của M và nhảy tránh sang bên trái. M điều khiển xe mô tô đi loạng choạng khoảng 03 mét thì đổ trượt về phía ruộng và M bị ngã ở dưới ta luy âm gần mép đường.

Nguyễn Anh K đi đến gần vị trí Triệu Chàn M ngã, cởi mũ bảo hiểm đang đội trên đầu ném xuống đường làm mũ bảo hiểm bị vỡ. Nguyễn Anh K dùng tay phải tát một phát vào mặt bên trái của M. K dùng tay trái túm vào áo bả vai phải M kéo lên đường và bắt M quỳ xuống. M quỳ xuống, K bắt M phải đền bù chiếc mũ bảo hiểm do K đập vỡ. M lấy từ trong túi quần bên phải ra 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng. Nguyễn Hồng Q nhìn thấy Triệu Chàn M cầm tiền trên tay, lúc đầu định lấy 100.000 đồng, sau đó đổi ý chỉ lấy 50.000 đồng để đổi cái mũ bị hỏng. Phan T và Nguyễn Đức H2 đứng gần đó can ngăn việc Nguyễn Anh K và Nguyễn Hồng Q lấy tiền của Triệu Chàn M nhưng K và Q không nghe vẫn lấy tiền của M. Nguyễn Anh K cầm 02 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng từ tay Triệu Chàn M cất vào túi quần bên phải.

Sau đó, Lý Cao C1 điều khiển xe mô tô chở Lý Xuân T5, Triệu Tuấn A điều khiển xe mô tô, tay trái cầm theo 01 đoạn gậy gỗ đi đến. Thấy vậy, Nguyễn Hồng Q, Nguyễn Anh K, Nguyễn Đức H2, Phan Trung N bỏ chạy lên đồi. Lý Cao C1,

Triệu Tuấn A, Triệu Chàn M, Lý Xuân T5 không đuổi nữa mà đi xe mô tô về hướng thôn K, xã T. Sau đó Triệu Chàn M đến Công an xã T, tỉnh Tuyên Quang trình báo vụ việc.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 61A/KLTTCT-TTGDYK&PY ngày 25/9/2025 của Trung tâm giám định y khoa và pháp y Sở Y tế tỉnh T kết luận:

Thương tích gây đau tức vùng mặt, sưng nề má trái, mũi được ghi nhận trong hồ sơ bệnh án là do vật tày tác động gây nên. Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Triệu Chàn M tại thời điểm giám định là: 0% (không phần trăm).

Với hành vi nêu trên, ngày 09/02/2026 Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang ra bản Cáo trạng số 09/CT-VKSKV6 truy tố các bị cáo Nguyễn Anh K, Nguyễn Hồng Q về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Vật chứng thu giữ:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã tạm giữ vật chứng gồm:

Tiền Ngân hàng N2 02 tờ mệnh giá 20.000 đồng 01 tờ mệnh giá 10.000 đồng.

Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 23F1-164.73;

Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 23AH-005.31;

Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, không lắp biển số đăng ký; Xe gắn máy nhãn hiệu VIET THAI, biển kiểm soát 22LA-002.29;

Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 23AH-005.48;

Mũ bảo hiểm (Dạng mũ thời trang), màu xanh, bị nứt vỡ;

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iphone XS, màu trắng (tất cả đều đã qua sử dụng).

Xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã chứng minh làm rõ Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 23F1-164.73; Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 23AH-005.31; Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, không lắp biển số đăng ký; Xe gắn máy nhãn hiệu VIET THAI, biển kiểm soát 22LA-002.29; Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 23AH-005.48 (tất cả đều đã qua sử dụng) là tang vật của vụ việc vi phạm hành chính, xét thấy việc xử lý vật chứng không ảnh hưởng đến kết quả điều tra nên ngày 30/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra C3 tỉnh Tuyên Quang đã chuyển các vật chứng trên đến Phòng C6 Công an tỉnh T để xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Số tiền 50.000 đồng; Mũ bảo hiểm (Dạng mũ thời trang), màu xanh, bị nứt vỡ; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iphone XS, màu trắng (đã qua sử dụng) ngày 11/02/2026 đã chuyển sang Phòng Thi hành án dân sự khu vực

6 - Tuyên Quang để xử lý theo quy định.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Anh K, Nguyễn Hồng Q đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, đúng với lời khai tại cơ quan Điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang truy tố và không kêu oan.

Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi sự việc xảy ra, bị hại Triệu Chàn M và người đại diện hợp pháp yêu cầu các bị cáo Nguyễn Anh K, Nguyễn Hồng Q và người đại diện hợp pháp phải liên đới bồi thường thiệt hại về viện phí, tiền thuê xe ô tô đi lại, tiền ăn, tiền công chăm sóc với tổng số tiền là 38.000.000 đồng. Ngày 10/03/2026 người đại diện hợp pháp củ bị hại Triệu Chàn M là ông Triệu Giào T3, người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Anh K là Nguyễn Ngọc T, người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hồng Q là Nguyễn Hồng T1 thoả thuận thống nhất bị cáo Nguyễn Anh K bồi thường cho bị hại Triệu Chàn M 12.500.000 đồng, bị cáo Nguyễn Hồng Q bồi thường cho bị hại Triệu Chàn M 12.500.000 đồng. Tại phiên tòa bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

Đối với Phan Trung N và Nguyễn Đức H2 khi đứng xem bị cáo Nguyễn Anh K và bị cáo Nguyễn Hồng Q thực hiện hành vi Cường đoạt tài sản của Triệu Chàn M. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã điều tra xác định trước và trong khi xảy ra vụ việc, Nguyễn Anh K, Nguyễn Hồng Q, Phan Trung N, Nguyễn Đức H2 không bàn bạc, phân công vai trò từng người đe dọa Triệu Chàn M đến tiền mũ bảo hiểm bị vỡ do Nguyễn Anh K. Phan Trung N, Nguyễn Đức H2 không đồng ý với hành vi của Nguyễn Anh K, Nguyễn Hồng Q lấy tiền của Triệu Chàn M nên đã can ngăn nhưng K và Q không nghe. Do đó, không có căn cứ xử lý hình sự đối với Phan Trung N và Nguyễn Đức H2.

Đối với hành vi đuổi nhau giữa nhóm của Triệu Chàn M, Triệu Tuấn A, Lý Xuân T5, Lý Cao C1 với nhóm của Nguyễn Anh K, Nguyễn Hồng Q, Nguyễn Đức H2, Phan Trung N. Quá trình điều tra xác định hành vi đuổi đánh nhau của các đối tượng chỉ xảy ra trên một đoạn đường ngắn, không có nhà dân sinh sống; thời điểm các đối tượng đuổi đánh nhau không có người và phương tiện tham gia giao thông trên đường, không gây mất trật tự công cộng và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nên hành vi của các đối tượng không cấu thành tội Gây rối trật tự công cộng quy định tại Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi Nguyễn Anh K dùng tay phải tát vào mặt bên trái Triệu Chàn M, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định, tỷ lệ thương tích của M là 0% (Không phần trăm) nên hành vi của K không cấu thành tội phạm C4 gây thương tích theo quy định tại Khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã chuyển tài liệu liên quan đến đồng chí Trưởng công an xã T, tỉnh Tuyên Quang để xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Đối với hành vi không đội mũ bảo hiểm của người đi mô tô, xe máy đối với Triệu Chàn M, Triệu Tuấn A, Lý Xuân T5, Lý Cao C1; Hành vi chở người ngồi trên xe không đội mũ bảo hiểm đối với Lý Cao C1, Nguyễn Đức H2; hành vi điều khiển xe không gắn biển số của Triệu Chàn M; và hành vi điều khiển xe mô tô hai

bánh có dung tích xi-lanh đến 125 cm³ không có giấy phép lái xe của Triệu Tuấn A, Lý Xuân T5, Lý Cao C1, Phan Trung N, Nguyễn Đức H2, Nguyễn Hồng Q. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã chuyển tài liệu cùng vật chứng liên quan đến đồng chí Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Đối với hành vi Triệu Chàn Mành tự ý lấy xe mô tô của ông Triệu Phụ L2; Triệu Tuấn A tự ý lấy xe mô tô của bà Lý Mùi P; Lý Xuân T5 tự ý lấy xe mô tô của bà Lý Mùi C2; Phan Trung N tự ý lấy xe gắn máy của bà Nguyễn Thị H1; Nguyễn Hồng Q tự ý lấy xe mô tô của bà Phạm Bích T2. Xét thấy anh Triệu Phụ L2, chị Lý Mùi P, chị Lý Mùi C2, chị Nguyễn Thị H1, chị Phạm Bích T2 không biết và không cho phép Triệu Chàn M, Triệu Tuấn A, Lý Xuân T5, Phan Trung N, Nguyễn Hồng Q lấy xe mô tô của mình tham gia giao thông, do đó không có căn cứ để xem xét trách nhiệm liên đới xử lý đối với Triệu Phụ L2, Lý Mùi P, Lý Mùi C2, Nguyễn Thị H1, Phạm Bích T2.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang phát biểu lời luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình là đúng với thực tế. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Anh K và Nguyễn Hồng Q phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản điểm c khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự.

- Hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 124 Luật Tư pháp người chưa thành niên:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh K từ 16 tháng đến 20 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 32 đến 36 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Q từ 12 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, **trả lại cho bị hại số tiền các bị cáo cưỡng đoạt là 50.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm (Dạng mũ thời trang), màu xanh, bị nứt vỡ.** Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hồng Q 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iphone XS, màu trắng đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo và bị hại đã tiến hành bồi thường cho nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo có đơn xin miễn án phí, đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016-UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Luận cứ bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Anh K và Nguyễn Hồng Q đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội

“Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 119, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên, xử phạt bị cáo Nguyễn Anh K từ 10 - 16 tháng tù cho hưởng án treo, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Q từ 8 - 14 tháng tù cho hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thoả thuận của các bên. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự cho các bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 6, nội dung của Cáo trạng và Kết luận giám định của Trung tâm giám định y khoa và pháp y Sở Y tế tỉnh T.

Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không đưa ra chứng cứ, tài liệu, lập luận đối đáp với Kiểm sát viên về nội dung của cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên.

Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có lời khai phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Anh K và Nguyễn Hồng Q.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Anh K và Nguyễn Hồng Q: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người bào chữa cho các bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại tại phiên tòa: Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo có đơn xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có đơn xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Các bị cáo nhất trí xét xử vắng mặt người bào chữa tại phiên tòa. Bị hại nhất trí xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt người bào chữa và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại. Xét thấy người bào chữa cho các bị cáo có đơn xét xử vắng mặt và đã gửi bản luận cứ bào chữa trước khi mở phiên tòa; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đã nộp bản luận cứ bảo vệ cho bị hại trước khi mở phiên tòa. Khi xét xử Hội đồng xét xử sẽ công bố luận cứ bào chữa cho các bị cáo của người bào chữa, công bố luận cứ bảo vệ cho bị hại của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của

bị hại. Do đó, việc vắng mặt của người bào chữa cho các bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận tại chỗ, căn cứ Điều 291, Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bào chữa cho các bị cáo và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

[3] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại phiên tòa: Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xét xử vắng mặt. Người làm chứng vắng mặt không có lý do. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt người làm chứng. Kiểm sát viên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận xét thấy người làm chứng đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[4] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường cùng các vật chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập tại hồ sơ vụ án. Như vậy đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Anh K và Nguyễn Hồng Q đã cưỡng đoạt 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) của anh Triệu Chàn M là người dưới 16 tuổi là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang truy tố các bị cáo Nguyễn Anh K, Nguyễn Hồng Q về tội "Cưỡng đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Khi thực hiện hành vi **cưỡng đoạt tài sản các bị cáo Nguyễn Anh K và Nguyễn Hồng Q đều dưới 18 tuổi, là người phải chịu trách nhiệm hình sự** theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo nhận thức được hành vi cưỡng đoạt tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Xem xét vai trò đồng phạm của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có người tổ chức, không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, các bị cáo tiếp nhận ý chí của nhau và cùng thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Nguyễn Anh K là người khởi sự và thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án này. Bị cáo Nguyễn Hồng Q là người tích cực hưởng ứng nên là đồng phạm với vai trò giúp sức theo khoản 3 Điều 17 Bộ luật hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết

tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[9] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo các điều 115,116,117,118,119, 124 Luật tư pháp người chưa thành niên.

[10] Áp dụng chuyển hướng cho bị cáo theo Luật tư pháp người chưa thành niên: Xét nhân thân các bị cáo Nguyễn Anh K, Nguyễn Hồng Q từ nhỏ sống phụ thuộc vào gia đình, hiện đang học lớp 12 tại Trường THCS V4, xã T tỉnh Tuyên Quang. Các bị cáo được giáo dục trong môi trường tiến bộ nhưng không chịu tu dưỡng mà tiến hành tụ tập bạn bè vui chơi, lén lút điều khiển xe mô tô khi không được phép. Các bị cáo coi thường pháp luật, cưỡng đoạt tài sản của người dưới 16 tuổi có mức hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm. Hội đồng xét xử nhận thấy việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo các Điều 35,36,37 Luật tư pháp người chưa thành niên đối với các bị cáo không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa nên không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng đối với các bị cáo Nguyễn Anh K và Nguyễn Hồng Q.

[11] Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Anh K và Nguyễn Hồng Q: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt tù cho hưởng án treo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[12] Xét các căn cứ quyết định hình phạt: Các bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này, các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật tại địa phương, các bị cáo hiện đang học lớp 12 phổ thông trung học và chưa đủ 18 tuổi. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử, xét thấy: Xuất phát từ nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội nên cần áp dụng khoản 1 điều 54 Bộ luật hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt và cho bị cáo hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật; áp dụng khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt các bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đảm bảo mục đích của hình phạt, tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[13] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự các bị

cáo có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo không có công ăn việc làm, không có thu nhập ổn định; các bị cáo không có tài sản riêng, số tiền bị cáo cưỡng đoạt chỉ là 50.000 đồng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, không tịch thu tài sản đối với các bị cáo.

[14] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[15] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự; **Trả lại cho bị hại Triệu Chàn M 50.000 đồng do bị cáo chiếm đoạt của bị hại**; Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm (Dạng mũ thời trang), màu xanh, bị nứt vỡ; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hồng Q 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iphone XS, màu trắng (đã qua sử dụng).

[16] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với các bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và những vấn đề khác của vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[17] Đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là phù hợp với tình tiết của vụ án, phù hợp với nhận xét của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[18] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Anh K, Nguyễn Hồng Q sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn. Các bị cáo Nguyễn Anh K, Nguyễn Hồng Q là người dân tộc Tày theo Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ là đồng bào dân tộc thiểu số. Các bị cáo có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Hồng Q, Nguyễn Anh K được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[19] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 2 Điều 170; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 38, Điều 65; Điều 47 của Bộ luật Hình sự.
- Điều 115; Điều 119, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên.
- Điều 106, Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Anh K, Nguyễn Hồng Q phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

2. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh K 01 năm 05 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm 10 tháng tính từ ngày tuyên án (Ngày 26/3/2026).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Q 01 năm 01 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án (Ngày 26/3/2026).

Giao các bị cáo Nguyễn Anh K, Nguyễn Hồng Q cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tuyên Quang nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo, Trường THCS V4 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Anh K và Nguyễn Hồng Q.

4. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà bị hại không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

5. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị hại Triệu Chàn M 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng).

Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm (Dạng mũ thời trang), màu xanh, bị nứt vỡ.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hồng Q 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iphone XS, màu trắng (đã qua sử dụng).

(Các tang vật nêu trên hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Tuyên Quang theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh T và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Tuyên Quang ngày 11/02/2026).

6. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Anh K, Nguyễn Hồng Q được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người

đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bào chữa cho các bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 6 - Tuyên Quang;
- UBND xã Thông Nguyên,
tỉnh Tuyên Quang;
- PC11, PV 06 Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp
của bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Người đại diện hợp pháp của người có
quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Bình